TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Tống Thị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Duy Niên.

2. Ông Nguyễn Tiến Sang.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về *"Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX - ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn**: Chị Tống Thị H, sinh năm 1984;

Nơi ĐKHKTT: Bản C, Thị Trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu;

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, chị H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại bản tự khai ngày 10 tháng 02 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20 tháng 3 năm 2020, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tống Thị H kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 13 tháng 09 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 04 tháng, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến hai bên thường xuyên cãi chửi nhau. Mỗi lần mâu thuẫn chị H lại tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh đã điện thoại, động viên và đi đón chị H về. Từ khi chị H quay về, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian, đến tháng 01 năm 2018 thì anh chị lại tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Tống Thị H có 01 con chung là Hoàng Đoàn Ngọc L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2014. Ly hôn anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Từ khi anh và chị H sống ly thân, cháu L sống với anh và bố mẹ đẻ của anh. Hiện anh làm nghề lái tàu, có thu nhập ổn định. Anh có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Bố mẹ anh hiện đều còn khỏe mạnh và cũng phụ giúp anh chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản gì chung, không vay nợ chung của cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 02 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại Đơn đề nghị đề ngày 20 tháng 3 năm 2020 bị đơn là chị Tống Thị H trình bày:

Về thời gian, điều kiện, quá trình kết hôn và quá trình chung sống giữa chị và anh T đúng như anh T đã trình bày. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp, hai bên không có sự thông cảm cho nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Kinh tế vợ chồng riêng biệt, không liên quan đến nhau, vì vậy mâu thuẫn giữa anh chị ngày

càng trầm trọng. Hai bên không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Mặt khác chị đi làm ăn xa nhà để kiếm tiền nuôi con, vợ chồng xa nhau lâu ngày mới gặp lại nhưng mỗi lần gặp mặt đều không có tình cảm, không những thế anh Tăng còn có nhiều lời lẽ thể hiện sự xúc phạm, coi thường chị. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2018 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xin ly hôn chị, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm đối với anh T không còn. Nếu tiếp tục chung sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị cũng nhất trí ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con chung như anh T đã trình bày. Ly hôn, chị cũng có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị H thống nhất như lời trình bày của anh T.

Ngoài ra hai bên không còn yêu cầu gì khác.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17 tháng 02 năm 2020, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình *(là mẹ đẻ anh T)* trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H, bà L trình bày như lời trình bày của anh T. Nay anh T xin ly hôn chị H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T .Vì gia đình bà cũng đã khuyên bảo anh chị nhưng cả hai đều xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Về quan hệ con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng Đoàn Ngọc L cho anh T nuôi dưỡng vì hiện tại cháu L đang chung sống cùng anh T và ông bà. Anh T vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L rất tốt và gia đình bà cũng phụ giúp anh T trong việc chăm sóc cháu L. Chị H ít khi quan tâm đến cháu L.

Về quan hệ tài sản: Bà L cũng trình bày như lời trình bày của anh T và chị H.

4. Tại biên bác xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh T và chị H đúng như anh, chị đã trình bày. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau, chị H hay bỏ về quê ngoại ở. Anh, chị sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn vì anh chị không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Tống Thị H có 01 con chung là Hoàng Đoàn Ngọc L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2014 hiện đang ở với anh T và bố mẹ đẻ anh T tại địa phương. Quá trình ở với anh T và ông bà nội, cháu L khỏe mạnh, ngoan ngoãn, phát triển tốt. Bản thân anh T có công việc và thu nhập ổn định, lại có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong việc trông nom, chăm sóc cháu L. Chị H hiện nay thu nhập và nơi ở không ổn định. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét, cân nhắc giao con cho anh T nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Lan.

Về tài sản: Anh T và chị H không có tài sản gì chung. Anh chị cũng không vay nợ chung cơ quan, tổ chức xã hội nào tại địa phương. Đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của hai anh chị và quy định của pháp luật để giải quyết.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Tống Thị H;

- Quan hệ con chung: Giao con Hoàng Đoàn Ngọc L cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

- Quan hệ tài sản: Anh T và chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

Anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Tống Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; địa chỉ tạm trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Nguyên đơn, anh Hoàng Văn T và bị đơn, chị Tống Thị H đều có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Anh Hoàng Văn T và chị Tống Thị H kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 13 tháng 09 năm 2013 do tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đều xác định vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm, hai bên không có sự thông cảm lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Anh T còn cho rằng: mỗi lần mâu thuẫn chị H lại tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Anh cũng đã tìm gọi và đón chị H về nhưng anh chị sống với nhau được một thời gian lại tiếp tục mâu thuẫn. Theo chị H thì kinh tế vợ chồng riêng biệt, không liên quan đến nhau. Vì vậy mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Hai bên xác định vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 01 năm 2018 đến nay, không còn tình cảm gì với nhau và không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Tống Thị H.

[2.2] Quan hệ con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Tống Thị H có 01 con chung là Hoàng Đoàn Ngọc L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2014 hiện anh T đang nuôi dưỡng. Ly hôn, cả anh T và chị H đều đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện hiện tại của anh T thì thấy: Anh T có công việc và thu nhập ổn định. Cháu Hoàng Đoàn Ngọc L hiện đang ở cùng anh T và bố mẹ đẻ anh T. Anh T và gia đình vẫn chăm sóc tốt cho cháu L.

Xét điều kiện của chị H thì thấy: Hiện nay công việc của chị H không ổn định, thu nhập bấp bênh, không đảm bảo điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cho anh T nuôi dưỡng con Hoàng Đoàn Ngọc L là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh T và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[**2.3**] **Quan hệ tài sản**: Anh Hoàng Văn T và chị Tống Thị H không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Tống Thị H.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Đoàn Ngọc L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2014. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh T và chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng anh T đã nộp tại biên lai số 0003730 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Hoàng Văn T và chị Tống Thị H. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cụcThi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 32/2013 ngày 13/9/2013);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)